

Số: 271/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 23 Luật Thủ đô về các nội dung sau đây:

1. Việc thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là cơ sở công lập).

2. Việc viên chức làm việc tại cơ sở công lập nêu tại khoản 1 Điều này tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do cơ sở công lập đó thành lập, tham gia thành lập khi được sự đồng ý của người đứng đầu cơ sở công lập đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở công lập đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;
 - b) Có kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở đó.
2. Viên chức làm việc tại cơ sở công lập quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Thành lập doanh nghiệp là việc cơ sở công lập quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập đó.
- 2. Tham gia thành lập doanh nghiệp là việc cơ sở công lập góp vốn với các tổ chức, cá nhân, viên chức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định này để thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập đó.
- 3. Tham gia góp vốn vào doanh nghiệp là việc cơ sở công lập góp vốn vào doanh nghiệp đã được thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập đó hoặc viên chức góp vốn vào doanh nghiệp đã được thành lập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương II

TÀI SẢN GÓP VỐN VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN GÓP VỐN

Mục 1

TÀI SẢN GÓP VỐN

Điều 4. Các loại tài sản của cơ sở công lập được sử dụng để góp vốn

- 1. Cơ sở công lập được sử dụng các loại tài sản sau để góp vốn:
 - a) Tiền từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
 - b) Tiền từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
 - c) Tiền tài trợ, viện trợ, tặng cho hợp pháp với mục đích để góp vốn;
 - d) Tiền từ quỹ khác được sử dụng để góp vốn theo quy định của pháp luật;

đ) Quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng để góp vốn theo quy định của pháp luật;

e) Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được sử dụng để góp vốn theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

g) Tài sản khác được phép sử dụng để góp vốn theo quy định pháp luật.

2. Nguyên tắc sử dụng tài sản của cơ sở công lập để góp vốn:

a) Đảm bảo đúng mục đích để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chính cơ sở đó;

b) Thực hiện khai thác, sử dụng tài sản công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật;

c) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Không sử dụng để góp vốn đối với sáng chế mật, đất đai và công trình an ninh, quốc phòng, tài sản khác có quy định không được sử dụng để góp vốn;

đ) Trường hợp cần xác định giá trị tài sản để góp vốn thì phải đảm bảo công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật;

e) Thực hiện chế độ báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập và chịu sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản của cơ sở công lập để góp vốn

Việc quyết định sử dụng tài sản của cơ sở công lập để góp vốn do Hội đồng quản lý, Hội đồng trường quyết định; trường hợp cơ sở công lập không có Hội đồng quản lý, Hội đồng trường thì người đứng đầu cơ sở công lập quyết định.

Mục 2

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN GÓP VỐN

Điều 6. Xác định giá trị tài sản là quyền sở hữu trí tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ sở công lập lựa chọn đơn vị tư vấn xác định giá trị tài sản là quyền sở hữu trí tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Việc xác định giá trị quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về thẩm định giá; việc xác định giá trị kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Căn cứ kết quả tư vấn xác định giá trị tài sản là quyền sở hữu trí tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này quyết định giá trị tài sản là quyền sở hữu trí tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở công lập dự kiến sử dụng để góp vốn.

Điều 7. Xác định giá trị tài sản khác

1. Cơ sở công lập lựa chọn đơn vị tư vấn để xác định giá trị tài sản khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Việc xác định giá trị tài sản khác để góp vốn được xác định phù hợp với giá thị trường tại thời điểm góp vốn, theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

3. Căn cứ kết quả tư vấn xác định giá trị tài sản khác tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này quyết định giá trị tài sản khác của cơ sở công lập dự kiến sử dụng để góp vốn.

Chương III

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP HOẶC THAM GIA THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP, THAM GIA GÓP VỐN VÀO DOANH NGHIỆP

Điều 8. Đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp

1. Cơ sở công lập thực hiện việc xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn xây dựng đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp và lấy ý kiến của cán bộ, viên chức làm việc tại cơ sở công lập đó để hoàn thiện đề án và trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này xem xét phê duyệt.

2. Nội dung đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp bao gồm:

a) Cơ sở đề xuất, mục tiêu thực hiện Đề án;

b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản mà cơ sở công lập dự kiến sử dụng để góp vốn;

c) Phương án sử dụng tài sản của cơ sở công lập dự kiến sử dụng để góp vốn, tỷ lệ góp vốn, phương thức góp vốn, kế hoạch góp vốn, phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản để góp vốn, quyết định xác định giá trị tài sản để góp vốn;

d) Phương án đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập;

đ) Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp sẽ thành lập;

e) Tiêu chí xác định viên chức tham gia góp vốn; chế độ đối với viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này quyết định trên cơ sở quy định có liên quan của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và theo thỏa thuận giữa các bên liên quan; trách nhiệm của người có thẩm quyền cử viên chức và trách nhiệm của viên chức được cử là người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp, viên chức của cơ sở công lập tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

g) Ý kiến đồng ý của cơ quan cấp trên trực tiếp trong trường hợp viên chức là người đứng đầu cơ sở công lập được đề cử làm người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

h) Năng lực và nguồn lực của bên tham gia đầu tư thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sản xuất kinh doanh sản phẩm khoa học và công nghệ; thỏa thuận giữa cơ sở công lập và bên liên quan về trách nhiệm chia sẻ rủi ro, phân chia lợi ích; trách nhiệm hỗ trợ hoạt động của mỗi bên trong quá trình triển khai đề án; trách nhiệm đảm bảo hoạt động đúng mục đích thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập, trong đó quy định việc chấm dứt thỏa thuận sử dụng quyền trí tuệ của cơ sở công lập trong trường hợp bên liên quan không thực hiện đúng thỏa thuận;

i) Nội dung cần thiết khác.

3. Nội dung đề án tham gia góp vốn vào doanh nghiệp bao gồm các hạng mục quy định tại các điểm a, b, c, d, h, i khoản 2 Điều này và Điều lệ của doanh nghiệp dự kiến tham gia góp vốn.

Điều 9. Phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề án và chịu trách nhiệm về việc xây dựng đề án và nội dung phê duyệt.

2. Nội dung phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp bao gồm:

a) Việc thành lập doanh nghiệp, tham gia thành lập doanh nghiệp;

b) Loại hình doanh nghiệp, vốn điều lệ, các bên tham gia, các loại tài sản được sử dụng để thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp;

c) Tiêu chí xác định viên chức tham gia góp vốn; chế độ đối với viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này quyết định; trách nhiệm của người có thẩm quyền cử viên chức và trách nhiệm của viên chức được cử là người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp, viên chức của cơ sở công lập tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

d) Phương án sử dụng tài sản của cơ sở công lập sử dụng để góp vốn thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp;

đ) Thẩm quyền quyết định cử, chấm dứt, thay đổi người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

e) Tỷ lệ góp vốn, phương thức góp vốn và kế hoạch góp vốn của cơ sở công lập, các bên liên quan; tỷ lệ góp vốn và điều kiện góp vốn dành cho viên chức của cơ sở công lập;

g) Nội dung thỏa thuận giữa cơ sở công lập và bên liên quan quy định trách nhiệm của các bên và đảm bảo doanh nghiệp hoạt động đúng mục đích thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập;

h) Nội dung cần thiết khác.

3. Sau khi đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp được phê duyệt, việc thành lập và đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Nội dung phê duyệt đề án góp vốn vào doanh nghiệp bao gồm:

a) Việc góp vốn vào doanh nghiệp;

b) Phương án sử dụng tài sản của cơ sở công lập sử dụng để góp vốn vào doanh nghiệp;

c) Phương thức góp vốn và kế hoạch góp vốn vào doanh nghiệp;

d) Nội dung quy định tại các điểm g, h khoản 2 Điều này.

Chương IV

VIÊN CHỨC THAM GIA GÓP VỐN, THAM GIA QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 10. Viên chức tham gia góp vốn để thành lập doanh nghiệp

1. Căn cứ đề án đã được phê duyệt, viên chức làm việc tại cơ sở công lập thực hiện việc đăng ký tham gia góp vốn để thành lập doanh nghiệp do cơ sở công lập đó thành lập hoặc tham gia thành lập.

2. Căn cứ đề án đã được phê duyệt và tình hình thực tiễn của đơn vị, người đứng đầu cơ sở công lập quyết định việc cho phép viên chức tham gia góp vốn để thành lập doanh nghiệp do cơ sở công lập đó thành lập hoặc tham gia thành lập.

3. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của viên chức góp vốn; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp nhận vốn góp của viên chức được thực hiện theo điều lệ của doanh nghiệp và thỏa thuận giữa các bên.

Điều 11. Viên chức là người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp

1. Căn cứ đề án thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp được phê duyệt và thẩm quyền quản lý viên chức theo quy định của pháp luật, người đứng đầu cơ sở công lập quyết định cử viên chức làm người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp.

Trường hợp viên chức quản lý là người đứng đầu cơ sở công lập thì phải được sự đồng ý của cấp trên quản lý trực tiếp.

2. Quyết định cử viên chức là người đại diện theo ủy quyền quy định rõ thời gian kiêm nhiệm hoặc biệt phái, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của viên chức được cử là người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp phù hợp với đề án đã được phê duyệt.

3. Viên chức có thể được cử là người đại diện theo ủy quyền nhiều lần tại một doanh nghiệp.

Điều 12. Viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp

1. Căn cứ đề án thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp được phê duyệt và thẩm quyền quản lý viên chức theo quy định của pháp luật, người đứng đầu cơ sở công lập quyết định cử viên chức đủ điều kiện tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Trường hợp viên chức quản lý là người đứng đầu cơ sở công lập thì phải được sự đồng ý của cấp trên quản lý trực tiếp.

2. Quyết định cử viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp quy định rõ thời gian kiêm nhiệm hoặc biệt phái, chế độ làm việc, lương, thưởng, phụ cấp, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của viên chức đối với cơ sở công lập nơi làm việc và đối với doanh nghiệp tham gia quản lý, điều hành phù hợp với đề án đã được phê duyệt.

3. Viên chức có thể được cử tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp nhiều lần tại một doanh nghiệp.

4. Quyền của viên chức, viên chức quản lý khi tham gia quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp bao gồm:

a) Được trả lương, thưởng và các phụ cấp bảo đảm không thấp hơn mức hiện hưởng của viên chức, viên chức quản lý;

b) Được cơ sở công lập cử tham gia quản lý, điều hành, làm việc và doanh nghiệp nơi viên chức làm việc bảo đảm đầy đủ quyền lợi của viên chức, bao gồm đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, nâng lương, đánh giá xếp loại, khen thưởng, kỷ luật;

c) Được bố trí công việc phù hợp khi hết thời hạn cử làm quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp. Chế độ, chính sách không thấp hơn thời điểm viên chức, viên chức quản lý được cử tham gia quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp.

Điều 13. Trách nhiệm quản lý viên chức

1. Người đứng đầu cơ sở công lập có thẩm quyền quản lý viên chức theo quy định của pháp luật có quyền thay đổi, chấm dứt vai trò của viên chức là người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập, viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp; chịu trách nhiệm quản lý viên chức theo quy định pháp luật về viên chức và đề án đã được phê duyệt.

2. Cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp viên chức là người đứng đầu cơ sở công lập có quyền thay đổi, chấm dứt vai trò của viên chức là người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp; chịu trách nhiệm quản lý viên chức là người đứng đầu cơ sở công lập theo quy định pháp luật về viên chức và đề án đã được phê duyệt.

Điều 14. Nghĩa vụ của viên chức

Viên chức là người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp, viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ của viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức, pháp luật doanh nghiệp, theo điều lệ của doanh nghiệp và thỏa thuận giữa các bên; bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về viên chức và pháp luật có liên quan, bảo mật thông tin nội bộ theo quy định của cơ sở công lập mà viên chức là người đại diện theo ủy quyền hoặc tham gia quản lý, điều hành; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ sở công lập hoặc cấp trên quản lý trực tiếp.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý

1. Bộ Khoa học và Công nghệ làm đầu mối phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị định trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

a) Chỉ đạo cơ sở công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức triển khai thực hiện Nghị định và định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện Nghị định cho Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp trước ngày 30 tháng 11 hằng năm;

b) Xây dựng kế hoạch truyền thông, hướng dẫn hỗ trợ, quản lý, kiểm tra, giám sát việc thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập.

3. Các bộ, ngành liên quan

a) Chỉ đạo cơ sở công lập trực thuộc bộ, ngành tổ chức triển khai thực hiện Nghị định và định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện Nghị định cho Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp trước ngày 30 tháng 11 hằng năm;

b) Xây dựng kế hoạch truyền thông, hướng dẫn hỗ trợ, quản lý, kiểm tra, giám sát việc thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở công lập

1. Tổ chức thực hiện việc thành lập hoặc tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý, bố trí nguồn lực cần thiết để thực hiện các hoạt động quy định tại Nghị định này.

3. Quản lý và bố trí công việc phù hợp cho viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do cơ sở công lập đó thành lập hoặc tham gia thành lập, tham gia góp vốn.

4. Trước ngày 15 tháng 11 hằng năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo về tình hình thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp và kết quả thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập đó.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

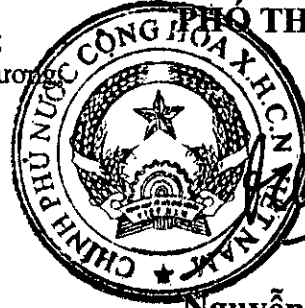
Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b).



TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Chí Dũng